

Số: 182/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

- Anh Lê Tiến Thành, sinh năm 1987

- Chị Trần Mỹ B, sinh năm 1993

Cùng nơi cư trú: CC3402 Tòa nhà hỗn hợp TTDV, TM Và Nhà Ở, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tiến A và chị Trần Mỹ B đăng ký kết hôn ngày 19/02/2016 tại UBND xã Hùng Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân nhau đến nay được 1 năm. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Tiến A và chị Trần Mỹ B có 02 con chung, gồm: Cháu Lê Minh C, sinh ngày 28/9/2018 và cháu Lê Phương T, sinh ngày 17/5/2023. Anh chị thỏa thuận giao cháu Lê Minh C cho anh A và giao cháu Lê Phương T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị B và Anh A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến A và chị Trần Mỹ B.

- *Về con chung:* Anh Lê Tiến A và chị Trần Mỹ B có 02 con chung, gồm: Cháu Lê Minh C, sinh ngày 28/9/2018 và cháu Lê Phương T, sinh ngày 17/5/2023. Giao cháu Lê Minh C cho anh A và giao cháu Lê Phương T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh A, chị B đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh A và Chị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh A và Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Anh A và chị B tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình, dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: 0001263 ngày 15/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội. Ghi nhận anh A và chị B đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Cơ quan THADS Khu vực 6-Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Quang